

Bản án số: 281/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 24-9-2024  
“V/v tranh chấp hôn nhân và gia  
đình ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Ngô Thị Lắm.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
  - Ông Võ Thanh Nhân;
  - Ông Nguyễn Thanh Liêm.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Huỳnh Trọng Khiêm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Trần Long - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 487/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2024 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 860/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 484/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Bà Lê Thị Thùy L, sinh năm 1987; địa chỉ thường trú: số nhà D, ấp Thị 2, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang; địa chỉ liên lạc: B10/20, ấp B, xã V, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

***Bị đơn:*** Ông Hà Hữu T, sinh năm 1984; địa chỉ: số nhà D, ấp T2, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Thùy L trình bày, bà L và ông T do quen biết, tìm hiểu nhau và kết hôn với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân thị trấn C ngày 22/02/2010. Trong thời gian

chung sống, vợ chồng có sinh được con chung tên Hà Thị Kim Y, sinh ngày 30/4/2011. Hiện tại, cháu Y đang được bà L chăm sóc, nuôi dưỡng. Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên xảy ra cãi vã nhau, ông T không quan tâm đến vợ con, không lo làm ăn, vấn đề tài chính trong gia đình, có khuyên nhiều lần nhưng không thay đổi. Mâu thuẫn địa phương không biết, gia đình tự dàn xếp với nhau. Gia đình hai bên có tạo điều kiện để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng không hàn gắn được. Bà L và ông T không còn sống chung với nhau từ đầu năm 2020 đến nay, không tới lui thăm nhau.

Nhận thấy tình cảm không còn nên bà L yêu cầu ly hôn với ông T; yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện bao gồm: Tờ tự khai của bà Lê Thị Thùy L; Giấy khai sinh số 086, ngày 16/5/2011 do Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C cấp đối với Hà Thị Kim Y (bản sao); Giấy chứng nhận kết hôn số 00016, quyển số 01, ngày 22/02/2010 của Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C cấp cho ông Hà Hữu T và bà Lê Thị Thùy L (bản chính);

- Bị đơn ông Hà Hữu T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn bà Lê Thị Thùy L có đơn yêu cầu được vắng mặt xét xử và không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Thùy L đối với ông Hà Hữu T; bà L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Hà Thị Kim Y, ông T không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bà Lê Thị Thùy L khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Hà Hữu T, ông T cư trú trên địa bàn huyện C. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Lê Thị Thùy L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; ông Hà Hữu T đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà L, ông T theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Bà Lê Thị Thùy L khai, bà L, ông T do quen biết, tìm hiểu nhau và kết hôn với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân thị trấn C ngày 22/02/2010 nên quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông T là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Bà L xác định, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên xảy ra cãi vã nhau, ông T không quan tâm đến vợ con, không lo làm ăn, vấn đề tài chính trong gia đình, có khuyên nhiều lần nhưng không thay đổi. Bà L và ông T không còn sống chung với nhau từ đầu năm 2020 đến nay, không tới lui thăm nhau.

Xét thấy, xuất phát từ mâu thuẫn trong thời gian chung sống, ông T không quan tâm đến vợ con, không lo làm ăn, vấn đề tài chính trong gia đình, bà L có khuyên nhiều lần nhưng không thay đổi và không còn sống chung đầu năm 2020 đến nay, không tới lui thăm nhau. Bên cạnh đó, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho ông T nhưng ông T không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của bà L. Cho nên, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa bà L và ông T là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L đối với ông T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà L xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh được con chung tên Hà Thị Kim Y, sinh ngày 30/4/2011. Bà L yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Xét thấy, cháu Y đang được bà L chăm sóc, nuôi dưỡng đang phát triển tốt và cháu Y cũng có nguyện vọng sống cùng với bà L. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho con chung, giúp con chung phát triển tốt về thể chất, tinh thần, Hội đồng xét xử giao cháu Y cho bà L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng theo Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, do bà L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Ông L không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;*

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thùy L.

1. Về hôn nhân: Bà Lê Thị Thùy L được ly hôn với ông Hà Hữu T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 00016, quyển số 01, ngày 22/02/2010 do Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C cấp cho ông Hà Hữu T và bà Lê Thị Thùy L không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

Bà Lê Thị Thùy L được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Hà Thị Kim Y, sinh ngày 30/4/2011. Ông Hà Hữu T không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Bà Lê Thị Thùy L cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Hà Hữu T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí sơ thẩm:

Bà Lê Thị Thùy L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015668 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 01 tháng 7 năm 2024; bà Lê Thị Thùy L đã nộp đủ án phí.

Ông Hà Hữu T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết, bà Lê Thị Thùy L, ông Hà Hữu T có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Chợ Mới (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngô Thị Lắm**